

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT
TỈNH BG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 05/02/2021.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT, TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến;

Ông Dương Ngô Phiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh BG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2020 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01d/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST - HNGĐ ngày 26/01/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1998 (Có mặt).

Địa chỉ: Bản TN, xã ĐT, huyện YT, tỉnh BG.

*** Bị đơn:** Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Bản T, xã CN, huyện YT, tỉnh BG.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện YT.

Do ông Nguyễn Tiến D - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện YT là đại diện theo ủy quyền. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố CT, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H1 kết hôn với nhau vào ngày 07/6/2017. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện YT, tỉnh BG. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng nhau ngay, cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H1 không quan tâm, chăm lo cho gia đình, ham chơi cờ bạc dẫn tới nợ nần ảnh hưởng đến kinh tế

chung của gia đình. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phạm Minh Hiếu, sinh ngày 10/5/2016, hiện đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện YT số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Nay ly hôn, chị yêu cầu chia đôi công nợ cho chị và anh H1 mỗi người phải có trách nhiệm trả 25.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

* Tại bản tự khai anh Phạm Văn H1 trình bày: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị H vào ngày 07/6/2017. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện YT, tỉnh BG. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng nhau ngay, cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 9/2019 thì chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị H1.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phạm Minh Hiếu, sinh ngày 10/5/2016, hiện đang ở với chị H. Vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi cháu Phạm Minh Hiếu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện YT số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Nay ly hôn, anh yêu cầu chia đôi công nợ cho anh và chị H mỗi người phải có trách nhiệm trả 25.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện YT do ông Nguyễn Tiến D là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 06/3/2019 chị Hoàng Thị H có vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện YT số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo chương trình vay hộ nghèo với lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ vào ngày 06/3/2024. Nay chị H và anh H1 ly hôn, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện YT yêu cầu chị H trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng đã ký kết trước khi giải quyết ly hôn.

* Tại Biên bản xác minh với chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh H1, chị H sinh sống xác định: Anh H1, chị H kết hôn năm 2017 và có đăng ký kết

hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H1 mãi chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình dẫn đến nợ nần và vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị H đã không còn chung sống với anh H1 từ tháng 9/2019 đến nay, từ khi chị H bỏ đi thì không về nhà anh H1 lần nào nữa.

Về điều kiện nuôi con chung địa phương xác định: Anh H1 không có việc làm, không có thu nhập lại thường xuyên chơi cờ bạc nên không đủ điều kiện để nuôi con chung.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh H1 xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H1 mãi chơi cờ bạc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay không ai quan tâm ai, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình xử cho chị H được ly hôn anh H1. Về nuôi con: Giao cháu Phạm Minh Hiếu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Chị H, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về công nợ: Giao cho chị Hoàng Thị H, anh Phạm Văn H1 mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện YT số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh khi đến hạn. Về án phí: Chị H, anh H1 được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung, công nợ chung với anh H1, anh H1 có địa chỉ cư trú tại huyện YT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YT theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Anh H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện YT. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Chị H xin ly hôn, anh H1 đồng ý. Qua xác

minh tại chính quyền địa phương thì chị H và anh H1 rất nhiều lần xảy ra cãi vã, anh H1 không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Mặt khác, cả chị H và anh H1 đều thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tH xuyên mua thuốc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay không đoàn tụ được, hôn nhân thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Chị H và anh H1 đều thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Minh Hiếu, sinh ngày 10/5/2016, chị H và anh H1 đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận định: Chị H có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, cháu Hiếu hiện đang sống ổn định cùng chị H nên cần giao cháu Hiếu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, ruộng canh tác: Chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về công nợ: Căn cứ hồ sơ vay vốn do ngân hàng cung cấp cùng lời khai nhận nợ của chị H1, anh H xác định hiện vợ, chồng chị Hoàng Thị H còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện YT tổng nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Tuy chưa đến hạn thanh toán nhưng đại diện Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu chị Hoàng Thị H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này cho Ngân hàng trước khi giải quyết việc ly hôn. Xét thấy đây là khoản nợ chung vợ chồng, mặt khác các đương sự đều thỏa thuận mỗi người phải trả một nửa là 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), nên cần xác nhận trách nhiệm trả nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay khi đến hạn thanh toán, cụ thể chia đôi công nợ cho chị H, anh H1.

- Về án phí: Chị H, anh H1 thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 280; Điều 463; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H. Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H1.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Minh Hiếu, sinh ngày 10/5/2016 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh H1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về công nợ chung:

- Giao cho chị Hoàng Thị H trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện YT số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh trên số nợ gốc phải trả khi đến hạn thanh toán theo hợp đồng đã ký kết.

- Giao cho anh Hoàng Văn H1 trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện YT số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh trên số nợ gốc phải trả khi đến hạn thanh toán theo hợp đồng đã ký kết.

- Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí cho chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H1.

- Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện YT;
- VKSND Tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện YT;
- UBND xã CN, YT, BG
- Các đương sự.
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng